CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc
Số: 269 /2025/BC-SHS	*Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025*

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 02/2025 như sau:

1. **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 02/2025**

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	BCG	GEE	AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	APG			APG
12	ASM			ASM
13	AST			AST
14	BAF			BAF
15	BCG			BCM
16	BCM			BFC
17	BFC			BHN
18	BHN			BIC
19	BIC			BID
20	BID			BKG
21	BKG			BMC
22	BMC			BMI
23	BMI			BMP
24	BMP			BRC
25	BRC			BSI
26	BSI			BTP
27	BTP			BVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BVH			BWE
29	BWE			CCL
30	CCL			CDC
31	CDC			CHP
32	CHP			CII
33	CII			CLC
34	CLC			CMG
35	CMG			CNG
36	CNG			CRC
37	CRC			CSM
38	CSM			CSV
39	CSV			CTD
40	CTD			CTF
41	CTF			CTG
42	CTG			CTI
43	CTI			CTR
44	CTR			CTS
45	CTS			CVT
46	CVT			DBC
47	DBC			DBD
48	DBD			DBT
49	DBT			DC4
50	DC4			DCL
51	DCL			DCM
52	DCM			DGC
53	DGC			DGW
54	DGW			DHA
55	DHA			DHC
56	DHC			DHG
57	DHG			DIG
58	DIG			DMC
59	DMC			DPG
60	DPG			DPM
61	DPM			DPR
62	DPR			DRC
63	DRC			DRL
64	DRL			DSE
65	DSE			DSN
66	DSN			DVP
67	DVP			DXG
68	DXG			DXS
69	DXS			EIB
70	EIB			ELC
71	ELC			EVF
72	EVF			FCN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
73	FCN			FIR
74	FIR			FIT
75	FIT			FMC
76	FMC			FPT
77	FPT			FRT
78	FRT			FTS
79	FTS			GAS
80	GAS			GDT
81	GDT			GEE
82	GEG			GEG
83	GEX			GEX
84	GMD			GMD
85	GSP			GSP
86	GVR			GVR
87	HAH			HAH
88	HAP			HAP
89	HAR			HAR
90	HAX			HAX
91	HCD			HCD
92	HCM			HCM
93	HDB			HDB
94	HDC			HDC
95	HDG			HDG
96	HHP			HHP
97	HHS			HHS
98	HHV			HHV
99	HII			HII
100	HMC			HMC
101	HPG			HPG
102	HPX			HPX
103	HQC			HQC
104	HSG			HSG
105	HSL			HSL
106	HT1			HT1
107	HTI			HTI
108	HTL			HTL
109	HTN			HTN
110	HUB			HUB
111	HVH			HVH
112	IDI			IDI
113	IJC			IJC
114	ILB			ILB
115	IMP			IMP
116	ITC			ITC
117	KBC			KBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
118	KDC			KDC
119	KDH			KDH
120	KHG			KHG
121	KHP			KHP
122	KMR			KMR
123	KOS			KOS
124	KSB			KSB
125	LBM			LBM
126	LCG			LCG
127	LHG			LHG
128	LIX			LIX
129	LPB			LPB
130	LSS			LSS
131	MBB			MBB
132	MCM			MCM
133	MIG			MIG
134	MSB			MSB
135	MSH			MSH
136	MSN			MSN
137	MWG			MWG
138	NAB			NAB
139	NAF			NAF
140	NBB			NBB
141	NCT			NCT
142	NHA			NHA
143	NHH			NHH
144	NKG			NKG
145	NLG			NLG
146	NNC			NNC
147	NSC			NSC
148	NTL			NTL
149	OCB			OCB
150	OPC			OPC
151	ORS			ORS
152	PAC			PAC
153	PAN			PAN
154	PC1			PC1
155	PDN			PDN
156	PDR			PDR
157	PET			PET
158	PGC			PGC
159	PGD			PGD
160	PGI			PGI
161	PHC			PHC
162	PHR			PHR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
163	PJT			PJT
164	PLP			PLP
165	PLX			PLX
166	PNJ			PNJ
167	POW			POW
168	PPC			PPC
169	PTB			PTB
170	PVD			PVD
171	PVP			PVP
172	PVT			PVT
173	REE			REE
174	SAB			SAB
175	SAM			SAM
176	SAV			SAV
177	SBA			SBA
178	SBT			SBT
179	SCR			SCR
180	SCS			SCS
181	SFC			SFC
182	SFI			SFI
183	SGN			SGN
184	SHB			SHB
185	SHI			SHI
186	SHP			SHP
187	SIP			SIP
188	SJD			SJD
189	SJS			SJS
190	SKG			SKG
191	SMB			SMB
192	SRC			SRC
193	SSB			SSB
194	SSC			SSC
195	SSI			SSI
196	ST8			ST8
197	STB			STB
198	STG			STG
199	SVI			SVI
200	SVT			SVT
201	SZC			SZC
202	SZL			SZL
203	TBC			TBC
204	TCB			TCB
205	TCD			TCD
206	TCH			TCH
207	TCI			TCI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
208	TCL			TCL
209	TCM			TCM
210	TCO			TCO
211	TCT			TCT
212	TDG			TDG
213	TDM			TDM
214	TDP			TDP
215	TEG			TEG
216	THG			THG
217	TIP			TIP
218	TLD			TLD
219	TLG			TLG
220	TMP			TMP
221	TMS			TMS
222	TNC			TNC
223	TNH			TNH
224	TNT			TNT
225	TPB			TPB
226	TRA			TRA
227	TRC			TRC
228	TTA			TTA
229	TV2			TV2
230	TVS			TVS
231	UIC			UIC
232	VCB			VCB
233	VCG			VCG
234	VCI			VCI
235	VDP			VDP
236	VDS			VDS
237	VFG			VFG
238	VGC			VGC
239	VHC			VHC
240	VHM			VHM
241	VIB			VIB
242	VIC			VIC
243	VIP			VIP
244	VIX			VIX
245	VJC			VJC
246	VND			VND
247	VNL			VNL
248	VNM			VNM
249	VOS			VOS
250	VPB			VPB
251	VPG			VPG
252	VPI			VPI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
253	VRC			VRC
254	VRE			VRE
255	VSC			VSC
256	VSH			VSH
257	VSI			VSI
258	VTO			VTO
259	VTP			VTP
260	YEG			YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 02/2025

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB			BAB
2	BAX			BAX
3	BCF			BCF
4	BNA			BNA
5	BVS			BVS
6	CAP			CAP
7	CDN			CDN
8	CEO			CEO
9	CLH			CLH
10	CSC			CSC
11	DHP			DHP
12	DHT			DHT
13	DL1			DL1
14	DP3			DP3
15	DTD			DTD
16	DVM			DVM
17	DXP			DXP
18	EID			EID
19	EVS			EVS
20	GIC			GIC
21	GKM			GKM
22	GMX			GMX
23	HAT			HAT
24	HCC			HCC
25	HJS			HJS
26	HLC			HLC
27	HMR			HMR
28	HUT			HUT
29	HVT			HVT
30	IDC			IDC
31	IDV			IDV
32	INN			INN
33	IPA			IPA
34	LAS			LAS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
35	LHC			LHC
36	LIG			LIG
37	MBS			MBS
38	MVB			MVB
39	NAG			NAG
40	NBC			NBC
41	NDN			NDN
42	NET			NET
43	NTP			NTP
44	PBP			PBP
45	PCE			PCE
46	PCH			PCH
47	PGN			PGN
48	PGS			PGS
49	PLC			PLC
50	PMC			PMC
51	PMS			PMS
52	PPS			PPS
53	PPT			PPT
54	PRE			PRE
55	PSD			PSD
56	PSI			PSI
57	PSW			PSW
58	PVB			PVB
59	PVC			PVC
60	PVG			PVG
61	PVI			PVI
62	PVS			PVS
63	S55			S55
64	S99			S99
65	SD9			SD9
66	SED			SED
67	SGC			SGC
68	SJE			SJE
69	SLS			SLS
70	TA9			TA9
71	TDT			TDT
72	THT			THT
73	TIG			TIG
74	TMB			TMB
75	TNG			TNG
76	TTT			TTT
77	TV4			TV4
78	TVD			TVD
79	VBC			VBC
80	VC3			VC3
81	VC7			VC7
82	VCS			VCS
83	VFS			VFS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
84	VGS			VGS
85	VHE			VHE
86	VIF			VIF
87	VNC			VNC
88	VNR			VNR
89	WCS			WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 02/2025 là https://www.shs.com.vn/News/202533/1012563/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-02-2025.aspx.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập	Kiểm soát	TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Ánh Nguyệt	Nguyễn Minh Hạnh	TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Chí Thành